

Số: 1525/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục các tuyến đường hè phố có đủ điều kiện sử dụng tạm ngoài mục đích giao thông thí điểm Đợt 1 theo Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố trên địa bàn Quận 4**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 6132/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 15858/HD-SGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 7565/SGTVT-KT ngày 13/6/2024 của Sở Giao thông vận tải về việc có ý kiến về nội dung đề xuất danh mục sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông trên địa bàn Quận 4.

Xét báo cáo đề xuất tại Tờ trình số 3239/TTr-QLĐT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Phòng Quản lý đô thị Quận 4.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành danh mục các tuyến đường hè phố tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa có đủ điều kiện sử dụng tạm ngoài mục đích giao thông thí điểm Đợt 1 theo Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố trên địa bàn Quận 4, gồm có:

1. Các vị trí thuộc tuyến đường Bến Vân Đồn, Hoàng Diệu, Lê Văn Linh thuộc địa bàn các Phường 1, 2, 6, 9, 13 có hè phố được phép sử dụng tạm thời một

phần hệ phổ tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa theo quy định Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Đính kèm danh mục).

2. Thời hạn thực hiện thí điểm: từ ngày ban hành Quyết định đến ngày 30/11/2025. Quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, Phòng Quản lý đô thị Quận 4 phối hợp Ủy ban nhân dân phường 1, 2, 6, 9, 13 và các đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 4 xem xét chỉ đạo.

## **Điều 2. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân liên quan thi hành quyết định.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1, 2, 6, 9, 13 chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm triển khai công tác quản lý các tuyến đường đủ điều kiện sử dụng tạm thời một phần hệ phổ tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa (đợt 1) trên địa bàn Quận 4 theo danh mục, phương án đã được Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Ban An toàn giao thông Thành phố thống nhất.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời hệ phổ chấp hành các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải và phù hợp phương án khai thác hệ phổ của Ủy ban nhân dân Quận 4 đã được Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Ban An toàn giao thông Thành phố thống nhất.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời hệ phổ thực hiện nộp phí tạm sử dụng hệ phổ theo quy định tại Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hệ phổ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Phòng Quản lý đô thị phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận công bố thông tin Quyết định này trên Trang thông tin điện tử Quận 4.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 4, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1, 2, 6, 9, 13 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- UBND Thành phố;
- Sở Giao thông vận tải;
- Ban An toàn giao thông Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Thường trực Quận ủy;
- UBND Quận 4: CT, các PCT;
- UBMT TQVN Q4;
- Đ/c Thu-UVBTQVN/CTUBMTTQVN Quận 4;
- Ban Dân vận Quận ủy;
- Ban Tuyên giáo Quận ủy;
- P.QLĐT; P.VHTT;
- Lưu: VT.VH-Hg (15b).

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Chiến**

## PHỤ LỤC

**BAN HÀNH DANH MỤC VĨA HÈ TẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG TẠM THỜI MỘT PHẦN HÈ PHỐ TỔ  
CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ, MUA, BÁN HÀNG HÓA CÓ THU PHÍ (ĐỢT 1)**

(Kèm theo Quyết định số **1525**/QĐ-UBND ngày **19** tháng **11** năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 4)



| Stt | Đường       | Phường     | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí   | Phạm vi sử dụng      |                   | Hình thức<br>(*)    | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------------|------------|-------------|--------------------------------|------------------|----------------------|-------------------|---------------------|----------------------------|---------|
|     |             |            |             |                                |                  | Dài x Rộng<br>(m)    | Diện tích<br>(m2) |                     |                            |         |
| I   | Bến Vân Đồn | 1,2,6,9,13 | Trung tâm   |                                | <u>52 vị trí</u> |                      |                   |                     | 36.615.700                 |         |
|     | Phường 1    |            |             |                                |                  |                      |                   |                     | 5.821.000                  |         |
| 1   |             | 1          | Trung tâm   | 100.000                        | 330A             | 7,20x(0,8+<br>1,2)/2 | 7,2               | Theo HD<br>của quận | 720.000                    |         |
| 2   |             | 1          | Trung tâm   | 100.000                        | 332              | 6,85x1,4             | 9,59              | Theo HD<br>của quận | 959.000                    |         |
| 3   |             | 1          | Trung tâm   | 100.000                        | 333              | 5,50x1,6             | 8,8               | Theo HD<br>của quận | 880.000                    |         |
| 4   |             | 1          | Trung tâm   | 100.000                        | 334              | 4,20x1,4             | 5,88              | Theo HD<br>của quận | 588.000                    |         |
| 5   |             | 1          | Trung tâm   | 100.000                        | 335              | 4,00x1,6             | 6,4               | Theo HD<br>của quận | 640.000                    |         |

| Stt | Đường    | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m <sup>2</sup> /tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng      |                             | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|----------|--------|-------------|--------------------------------------|----------------|----------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |          |        |             |                                      |                | Dài x Rộng (m)       | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |                  |                         |         |
| 6   |          | 1      | Trung tâm   | 100.000                              | 336            | 3,90x(1,5+1,7)/2     | 6,24                        | Theo HD của quận | 624.000                 |         |
| 7   |          | 1      | Trung tâm   | 100.000                              | 337            | 4,10x(0,8+1,2)/2     | 4,1                         | Theo HD của quận | 410.000                 |         |
| 8   |          | 1      | Trung tâm   | 100.000                              | 338            | 10,00x1,0            | 10                          | Theo HD của quận | 1.000.000               |         |
|     | Phường 2 |        |             |                                      |                |                      |                             |                  | <b>8.313.000</b>        |         |
| 9   |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                              | 207-208        | (0,43x10,6)+(0,43x9) | 8,47                        | Theo HD của quận | 847.000                 |         |
| 10  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                              | 239            | 2,13x4,0             | 8,52                        | Theo HD của quận | 852.000                 |         |
| 11  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                              | 241            | 3,1x1,3              | 4,03                        | Theo HD của quận | 403.000                 |         |
| 12  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                              | 259            | 3,8x0,3              | 1,14                        | Theo HD của quận | 114.000                 |         |
| 13  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                              | 251-252        | 4,4x0,95             | 4,18                        | Theo HD của quận | 418.000                 |         |

| Stt | Đường    | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú                |
|-----|----------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|------------------------|
|     |          |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |                        |
| 14  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                 | 262            | 7,9x1,7         | 13,43          | Theo HD của quận | 1.343.000               |                        |
| 15  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                 | 277            | 5,2x3,2         | 16,64          | Theo HD của quận | 1.664.000               |                        |
| 16  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                 | 300            | 5,2x2,0         | 10,4           | Theo HD của quận | 1.040.000               |                        |
| 17  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                 | 306            | 3,2x2,4         | 7,68           | Theo HD của quận | 768.000                 |                        |
| 18  |          | 2      | Trung tâm   | 100.000                 | 329            | 5,4x1,6         | 8,64           | Theo HD của quận | 864.000                 |                        |
|     | Phường 6 |        |             |                         |                |                 |                |                  |                         | Rà soát, bổ sung Đợt 2 |
|     | Phường 9 |        |             |                         |                |                 |                |                  | <b>21.221.700</b>       |                        |
| 19  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 79             | 6x2,1           | 12,6           | Theo HD của quận | 1.260.000               |                        |
| 20  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 80             | 6,1x3,3         | 20,44          | Theo HD của quận | 2.043.500               |                        |
| 21  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 81             | 3,8x1,2         | 4,56           | Theo HD của quận | 456.000                 |                        |

*Trần*

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |       |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 22  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 82             | 3,2x0,6         | 1,92           | Theo HD của quận | 192.000                 |         |
| 23  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 83             | 3,2x0,6         | 1,92           | Theo HD của quận | 192.000                 |         |
| 24  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 84             | 3,1x0,6         | 1,86           | Theo HD của quận | 186.000                 |         |
| 25  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 85-86-87       | 9,4x0,7         | 6,58           | Theo HD của quận | 658.000                 |         |
| 26  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 88             | 3,1x 0,6        | 1,86           | Theo HD của quận | 186.000                 |         |
| 27  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 89             | 3,35x0,6        | 2,01           | Theo HD của quận | 201.000                 |         |
| 28  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 90             | 3x0,7           | 2,10           | Theo HD của quận | 210.000                 |         |
| 29  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 91             | 3,3x0,6         | 1,98           | Theo HD của quận | 198.000                 |         |
| 30  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 92             | 3,4x1,2         | 4,08           | Theo HD của quận | 408.000                 |         |
| 31  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 93             | 2,96x2,6        | 7,99           | Theo HD của quận | 799.200                 |         |
| 32  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 105D           | 6,7x2,7         | 18,09          | Theo HD của quận | 1.809.000               |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |       |        |             |                                |                | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
| 33  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 105A           | 5x1,7             | 8,5               | Theo HD của quận | 850.000                    |         |
| 34  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 107            | 5,2x1,15          | 5,98              | Theo HD của quận | 598.000                    |         |
| 35  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 105            | 4,8x1,05          | 5,04              | Theo HD của quận | 504.000                    |         |
| 36  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 109            | 3,7x1,08          | 4                 | Theo HD của quận | 400.000                    |         |
| 37  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 110            | 3,6x1,9           | 6,84              | Theo HD của quận | 684.000                    |         |
| 38  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 111            | 4x1,8             | 7,2               | Theo HD của quận | 720.000                    |         |
| 39  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 115            | 11,6x2,1          | 24,36             | Theo HD của quận | 2.436.000                  |         |
| 40  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 117A           | 1,3x2,4           | 3,12              | Theo HD của quận | 312.000                    |         |
| 41  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 117            | 3,5x2,4           | 8,05              | Theo HD của quận | 805.000                    |         |
| 42  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 118            | 3,3x2,1           | 6,93              | Theo HD của quận | 693.000                    |         |
| 43  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 119            | 3,3x2,3           | 7,59              | Theo HD của quận | 759.000                    |         |

| Stt | Đường     | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m <sup>2</sup> /tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng                                 |                                | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-----------|--------|-------------|-----------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |           |        |             |                                         |                | Dài x Rộng<br>(m)                               | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) |                  |                            |         |
| 44  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                                 | 119C           | 2,3x2                                           | 4,6                            | Theo HD của quận | 460.000                    |         |
| 45  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                                 | 120B           | 2,95x1,9                                        | 5,61                           | Theo HD của quận | 560.500                    |         |
| 46  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                                 | 121            | 3,3x1,8                                         | 5,94                           | Theo HD của quận | 594.000                    |         |
| 47  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                                 | 122            | 3,3x 1,7                                        | 5,61                           | Theo HD của quận | 561.000                    |         |
| 48  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                                 | 123            | 3,1x 1,6                                        | 5,12                           | Theo HD của quận | 511.500                    |         |
| 49  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                                 | 124            | 3,3 x 1,5                                       | 4,95                           | Theo HD của quận | 495.000                    |         |
| 50  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                                 | 125            | 3,2 x 1,5                                       | 4,8                            | Theo HD của quận | 480.000                    |         |
|     | Phường 13 |        |             |                                         |                |                                                 |                                |                  | <b>1.260.000</b>           |         |
| 51  |           | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 68             | $(1,38+1,65)/2$<br>$\times 4,11$                | 6,23                           | Theo HD của quận | 623.000                    |         |
| 52  |           | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 70             | $(2,2 \times 1,93)/2 + (1,1+1,2)/2 \times 3,75$ | 6,37                           | Theo HD của quận | 637.000                    |         |

| Stt       | Đường              | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí   | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----------|--------------------|--------|-------------|--------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|           |                    |        |             |                                |                  | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
| <b>II</b> | <b>Lê Văn Linh</b> | 13     |             |                                | <b>22 Vị trí</b> |                   |                   |                  | <b>42.744.000</b>          |         |
| 1         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 2                | 5,85x5,56         | 32,52             | Theo HD của quận | 3.252.000                  |         |
| 2         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 4                | 5,88x5,32         | 31,28             | Theo HD của quận | 3.128.000                  |         |
| 3         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 6                | 5,93x3,86         | 22,89             | Theo HD của quận | 2.289.000                  |         |
| 4         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 6A               | 6,0x3,7           | 22,20             | Theo HD của quận | 2.220.000                  |         |
| 5         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 12               | 5,97x4,07         | 24,29             | Theo HD của quận | 2.429.000                  |         |
| 6         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 18               | 5,4x4,03          | 21,76             | Theo HD của quận | 2.176.000                  |         |
| 7         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 40               | 5,77x3,98         | 22,96             | Theo HD của quận | 2.296.000                  |         |
| 8         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 42               | 5,76x3,95         | 22,75             | Theo HD của quận | 2.275.000                  |         |
| 9         |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 44Bis            | 6,19x4,23         | 26,18             | Theo HD của quận | 2.618.000                  |         |
| 10        |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 48-50            | 6,1x8,18          | 49,90             | Theo HD của quận | 4.990.000                  |         |
| 11        |                    |        | Trung tâm   | 100.000                        | 27               | 6,0x3,98          | 23,88             | Theo HD của quận | 2.388.000                  |         |

| Stt | Đường      | Phường      | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|------------|-------------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |            |             |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 12  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 29             | 5,98x3,9        | 23,32          | Theo HD của quận | 2.332.000               |         |
| 13  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 39             | 6,07x3,87       | 23,49          | Theo HD của quận | 2.349.000               |         |
| 14  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 41             | 6,1x4,24        | 25,86          | Theo HD của quận | 2.586.000               |         |
| 15  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 47             | 5,98x2,68       | 16,02          | Theo HD của quận | 1.602.000               |         |
| 16  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 59             | 2,76x3,25       | 8,97           | Theo HD của quận | 897.000                 |         |
| 17  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 67             | 2,19x4,09       | 8,95           | Theo HD của quận | 895.000                 |         |
| 18  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 69             | 1,97x4,36       | 8,59           | Theo HD của quận | 859.000                 |         |
| 19  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 73             | 1,91x3,48       | 6,64           | Theo HD của quận | 664.000                 |         |
| 20  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 79             | 0,6x3,68        | 2,21           | Theo HD của quận | 221.000                 |         |
| 21  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 81             | 0,44x4,18       | 1,84           | Theo HD của quận | 184.000                 |         |
| 22  |            |             | Trung tâm   | 100.000                 | 83             | 0,25x3,76       | 0,94           | Theo HD của quận | 94.000                  |         |
| III | Hoàng Diệu | 2, 6, 9, 13 |             |                         | 153 Vị trí     |                 |                |                  | 152.869.000             |         |



| Stt | Đường                        | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |                              |        |             |                                |                | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
|     | Phường 2                     |        |             |                                |                |                   |                   |                  | <b>1.872.000</b>           |         |
| 1   |                              | 2      | Trung tâm   | 100.000                        | 396            | 15,4 x0,8         | 12,32             | Theo HD của quận | 1.232.000                  |         |
| 2   |                              | 2      | Trung tâm   | 100.000                        | 408            | 4,0 x0,8          | 3,2               | Theo HD của quận | 320.000                    |         |
| 3   |                              | 2      | Trung tâm   | 100.000                        | 412            | 4,0 x0,8          | 3,2               | Theo HD của quận | 320.000                    |         |
|     | Phường 6                     |        |             |                                |                |                   |                   |                  | 35.840.000                 |         |
| 4   | <b>Lô N đường Hoàng Diệu</b> | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N26            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 5   |                              | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N28            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 6   |                              | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N30            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 7   |                              | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N32            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 8   |                              | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N34            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 9   |                              | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N36            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 10  |                              | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N38            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |

| Stt | Đường                            | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |                                  |        |             |                                |                | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
| 11  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N40            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 12  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N42            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
| 13  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | N44            | 4,8x4,0           | 19,2              | Theo HD của quận | 1.920.000                  |         |
|     | <b>Lô K đường<br/>Hoàng Diệu</b> | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K44            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 14  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K46            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 15  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K48            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 16  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K50            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 17  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K52            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 18  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K54            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 19  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K56            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 20  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K58            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 21  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K58            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |
| 22  |                                  | 6      | Trung tâm   | 100.000                        | K60            | 3,2x4,0           | 12,8              | Theo HD của quận | 1.280.000                  |         |



*Handwritten signature in blue ink.*

| Stt | Đường    | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|----------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |          |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 23  |          | 6      | Trung tâm   | 100.000                 | K62            | 3,2x4,0         | 12,8           | Theo HD của quận | 1.280.000               |         |
| 24  |          | 6      | Trung tâm   | 100.000                 | K64            | 3,2x4,0         | 12,8           | Theo HD của quận | 1.280.000               |         |
| 25  |          | 6      | Trung tâm   | 100.000                 | K66            | 3,2x4,0         | 12,8           | Theo HD của quận | 1.280.000               |         |
|     | Phường 9 |        |             |                         |                |                 |                |                  | <b>67.142.000</b>       |         |
| 26  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 134            | 3x1,5           | 4,50           | Theo HD của quận | 450.000                 |         |
| 27  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 136            | 3,08x1,5        | 4,62           | Theo HD của quận | 462.000                 |         |
| 28  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 138            | 3x1,6           | 4,80           | Theo HD của quận | 480.000                 |         |
| 29  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 140            | 3,1x1,7         | 5,27           | Theo HD của quận | 527.000                 |         |
| 30  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 142            | 3x1,7           | 5,10           | Theo HD của quận | 510.000                 |         |
| 31  |          | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 144            | 3,2x1,65        | 5,28           | Theo HD của quận | 528.000                 |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |       |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 32  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 146            | 3x1,7           | 5,10           | Theo HD của quận | 510.000                 |         |
| 33  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 148            | 3x1,7           | 5,10           | Theo HD của quận | 510.000                 |         |
| 34  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 150            | 3,1x1,8         | 5,58           | Theo HD của quận | 558.000                 |         |
| 35  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 152            | 3,9x1,8         | 7,02           | Theo HD của quận | 702.000                 |         |
| 36  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 156            | 3,2x2,2         | 7,04           | Theo HD của quận | 704.000                 |         |
| 37  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 158-160        | 6x2,2           | 13,20          | Theo HD của quận | 1.320.000               |         |
| 38  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 162            | 3,1x2           | 6,20           | Theo HD của quận | 620.000                 |         |
| 39  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 164            | 2,9x2,2         | 6,38           | Theo HD của quận | 638.000                 |         |
| 40  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 166            | 3,3x2,2         | 7,26           | Theo HD của quận | 726.000                 |         |
| 41  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 168            | 3,1x2,1         | 6,51           | Theo HD của quận | 651.000                 |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |       |        |             |                                |                | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
| 42  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 170            | 2,9x2,1           | 6,09              | Theo HD của quận | 609.000                    |         |
| 43  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 172            | 3,2x2             | 6,40              | Theo HD của quận | 640.000                    |         |
| 44  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 174            | 3x2               | 6,00              | Theo HD của quận | 600.000                    |         |
| 45  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 176            | 3x2               | 6,00              | Theo HD của quận | 600.000                    |         |
| 46  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 178            | 2,96x1,9          | 5,62              | Theo HD của quận | 562.400                    |         |
| 47  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 180            | 3,2x1,9           | 6,08              | Theo HD của quận | 608.000                    |         |
| 48  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 182            | 3x1,8             | 5,40              | Theo HD của quận | 540.000                    |         |
| 49  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 184            | 3,6x1,8           | 6,48              | Theo HD của quận | 648.000                    |         |
| 50  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 186B           | 4x1,8             | 7,20              | Theo HD của quận | 720.000                    |         |
| 51  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 186            | 4,35x1,6          | 6,96              | Theo HD của quận | 696.000                    |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |       |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 52  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 188            | 2,5x1,6         | 4,00           | Theo HD của quận | 400.000                 |         |
| 53  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 190            | 2,5x1,5         | 3,75           | Theo HD của quận | 375.000                 |         |
| 54  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 192            | 2,6x1,5         | 3,90           | Theo HD của quận | 390.000                 |         |
| 55  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 194            | 5,7x1,4         | 7,98           | Theo HD của quận | 798.000                 |         |
| 56  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 135            | 3,27x1,6        | 5,23           | Theo HD của quận | 523.200                 |         |
| 57  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 137            | 3,1x1,8         | 5,58           | Theo HD của quận | 558.000                 |         |
| 58  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 139            | 3x2             | 6,00           | Theo HD của quận | 600.000                 |         |
| 59  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 141            | 3x2             | 6,00           | Theo HD của quận | 600.000                 |         |
| 60  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 143            | 3,2x1,9         | 6,08           | Theo HD của quận | 608.000                 |         |
| 61  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 145            | 3,08x2          | 6,16           | Theo HD của quận | 616.000                 |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |       |        |             |                                |                | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
| 62  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 147            | 3x2,1             | 6,30              | Theo HD của quận | 630.000                    |         |
| 63  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 149            | 3,08x2,1          | 6,47              | Theo HD của quận | 647.000                    |         |
| 64  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 151            | 3,36x2            | 6,72              | Theo HD của quận | 672.000                    |         |
| 65  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 153            | 3,3x1,9           | 6,27              | Theo HD của quận | 627.000                    |         |
| 66  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 155            | 3x1,9             | 5,70              | Theo HD của quận | 570.000                    |         |
| 67  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 157            | 3,1x1,9           | 5,89              | Theo HD của quận | 589.000                    |         |
| 68  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 159            | 3,1x2             | 6,20              | Theo HD của quận | 620.000                    |         |
| 69  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 161            | 3x1,9             | 5,70              | Theo HD của quận | 570.000                    |         |
| 70  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 163            | 2,95x2            | 5,90              | Theo HD của quận | 590.000                    |         |
| 71  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 165-169        | 9x1,9             | 17,10             | Theo HD của quận | 1.710.000                  |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |       |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 72  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 171            | 3,05x1,7        | 5,19           | Theo HD của quận | 518.500                 |         |
| 73  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 173            | 3,07x1,7        | 5,22           | Theo HD của quận | 521.900                 |         |
| 74  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 175            | 3,5x2           | 7,00           | Theo HD của quận | 700.000                 |         |
| 75  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 177            | 3,08x2          | 6,16           | Theo HD của quận | 616.000                 |         |
| 76  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 179            | 3,06x2          | 6,12           | Theo HD của quận | 612.000                 |         |
| 77  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 181            | 3x2             | 6,00           | Theo HD của quận | 600.000                 |         |
| 78  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 183            | 2,97x2          | 5,94           | Theo HD của quận | 594.000                 |         |
| 79  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 185            | 3,1x2           | 6,20           | Theo HD của quận | 620.000                 |         |
| 80  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 187            | 3x2             | 6,00           | Theo HD của quận | 600.000                 |         |
| 81  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 189            | 3,07x2          | 6,14           | Theo HD của quận | 614.000                 |         |



| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |       |        |             |                                |                | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
| 82  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 191            | 2,96              | 5,92              | Theo HD của quận | 592.000                    |         |
| 83  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 193            | 2,5               | 5,00              | Theo HD của quận | 500.000                    |         |
| 84  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | 195            | 2,6               | 5,20              | Theo HD của quận | 520.000                    |         |
| 85  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | CC H2 - 001    | 5,9               | 43,66             | Theo HD của quận | 4.366.000                  |         |
| 86  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | CC H2 - 002    | 5,9x4             | 23,60             | Theo HD của quận | 2.360.000                  |         |
| 87  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | CC H2 - 003    | 5,4x4             | 21,60             | Theo HD của quận | 2.160.000                  |         |
| 88  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | CC H2 - 004    | 5,4x4             | 21,60             | Theo HD của quận | 2.160.000                  |         |
| 89  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | CC H2 - 005    | 5x4               | 20,00             | Theo HD của quận | 2.000.000                  |         |
| 90  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | CC H2 - 006    | 3,6x4             | 14,40             | Theo HD của quận | 1.440.000                  |         |
| 91  |       | 9      | Trung tâm   | 100.000                        | CC H2 - 007    | 2,1x7,2           | 15,12             | Theo HD của quận | 1.512.000                  |         |

| Stt | Đường     | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-----------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |           |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 92  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 26 Lô O CXVH   | 5,3x4           | 21,20          | Theo HD của quận | 2.120.000               |         |
| 93  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 28 Lô O CXVH   | 5,3x4           | 21,20          | Theo HD của quận | 2.120.000               |         |
| 94  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 30 Lô O CXVH   | 7,1x3,9         | 27,69          | Theo HD của quận | 2.769.000               |         |
| 95  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 32 Lô O CXVH   | 8,1x4,2         | 34,02          | Theo HD của quận | 3.402.000               |         |
| 96  |           | 9      | Trung tâm   | 100.000                 | 34 Lô O CXVH   | 7,7x5,6         | 43,12          | Theo HD của quận | 4.312.000               |         |
|     | Phường 13 |        |             |                         |                |                 |                |                  | <b>48.015.000</b>       |         |
| 97  |           | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 10             | 1,2x3,06        | 3,67           | Theo HD của quận | 367.000                 |         |
| 98  |           | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 12             | 1,26x4,31       | 5,43           | Theo HD của quận | 543.000                 |         |
| 99  |           | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 20             | 0,8x4,26        | 3,40           | Theo HD của quận | 340.000                 |         |
| 100 |           | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 22             | 0,95x4,37       | 4,15           | Theo HD của quận | 415.000                 |         |



| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m2/<br>tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng   |                   | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |       |        |             |                                |                | Dài x Rộng<br>(m) | Diện tích<br>(m2) |                  |                            |         |
| 101 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 24             | 1,00x3,99         | 3,99              | Theo HD của quận | 399.000                    |         |
| 102 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 30             | 1,08x4,02         | 4,34              | Theo HD của quận | 434.000                    |         |
| 103 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 32             | 1,34x4,02         | 5,38              | Theo HD của quận | 538.000                    |         |
| 104 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 34             | 1,19x3,96         | 4,71              | Theo HD của quận | 471.000                    |         |
| 105 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 42             | 1,22x4,28         | 5,22              | Theo HD của quận | 522.000                    |         |
| 106 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 44             | 1,27x4,12         | 5,23              | Theo HD của quận | 523.000                    |         |
| 107 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 50             | 1,2x4,02          | 4,82              | Theo HD của quận | 482.000                    |         |
| 108 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 52             | 1,2x4,04          | 4,84              | Theo HD của quận | 484.000                    |         |
| 109 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 56             | 1,23x4,02         | 4,94              | Theo HD của quận | 494.000                    |         |
| 110 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 60             | 1,2x4,01          | 4,81              | Theo HD của quận | 481.000                    |         |
| 111 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                        | 66             | 0,8x5,69          | 4,55              | Theo HD của quận | 455.000                    |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí<br>(đồng/m <sup>2</sup> /tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng                     |                                | Hình thức<br>(*) | Số phí nộp<br>(đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|-----------------------------------------|----------------|-------------------------------------|--------------------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |       |        |             |                                         |                | Dài x Rộng<br>(m)                   | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) |                  |                            |         |
| 112 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 72             | 1,12x4,09                           | 4,58                           | Theo HD của quận | 458.000                    |         |
| 113 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 76             | 1,14x4,26                           | 4,85                           | Theo HD của quận | 485.000                    |         |
| 114 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 80             | 1,23x4,02                           | 4,94                           | Theo HD của quận | 494.000                    |         |
| 115 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 82             | 1,2x4,01                            | 4,81                           | Theo HD của quận | 481.000                    |         |
| 116 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 84             | 1,13x3,95                           | 4,46                           | Theo HD của quận | 446.000                    |         |
| 117 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 86             | 1,23x4,13                           | 5,08                           | Theo HD của quận | 508.000                    |         |
| 118 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 88             | 1,24x3,93                           | 4,87                           | Theo HD của quận | 487.000                    |         |
| 119 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 96             | 1,23x4,03                           | 4,95                           | Theo HD của quận | 495.000                    |         |
| 120 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 106            | (1,22x2,45)<br>+[(5,77+1,2)/2]x3,69 | 15,85                          | Theo HD của quận | 1.585.000                  |         |
| 121 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 114            | 0,86x4,2                            | 3,61                           | Theo HD của quận | 361.000                    |         |
| 122 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                                 | 114A           | 0,86x4,19                           | 3,60                           | Theo HD của quận | 360.000                    |         |

| Stt | Đường | Phương | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m <sup>2</sup> /tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng    |                             | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|--------------------------------------|----------------|--------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |       |        |             |                                      |                | Dài x Rộng (m)     | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |                  |                         |         |
| 123 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 116A           | 0,89x4,15          | 3,69                        | Theo HD của quận | 369.000                 |         |
| 124 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 118A           | 0,8x4,08           | 3,26                        | Theo HD của quận | 326.000                 |         |
| 125 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 118B           | 0,8x4,16           | 3,32                        | Theo HD của quận | 332.000                 |         |
| 126 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 120            | (4,83+2,81)/2x3,29 | 12,56                       | Theo HD của quận | 1.256.000               |         |
| 127 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 3              | 4,47x4,51          | 20,15                       | Theo HD của quận | 2.015.000               |         |
| 128 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 5              | 4,43x4,57          | 20,24                       | Theo HD của quận | 2.024.000               |         |
| 129 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 25             | 4,17x4,37          | 18,22                       | Theo HD của quận | 1.822.000               |         |
| 131 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 37             | 3,77x4,53          | 17,07                       | Theo HD của quận | 1.707.000               |         |
| 132 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 49             | 4,35x4,33          | 18,83                       | Theo HD của quận | 1.883.000               |         |
| 133 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 51             | 4,36x4,51          | 19,66                       | Theo HD của quận | 1.966.000               |         |
| 134 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 59             | 4,41x12,46         | 54,94                       | Theo HD của quận | 5.494.000               |         |
| 135 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                              | 31             | 4,32x4,5           | 19,44                       | Theo HD của quận | 1.944.000               |         |

| Stt | Đường | Phường | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|-------|--------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |       |        |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 136 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 63             | 4,29x3,53       | 15,14          | Theo HD của quận | 1.514.000               |         |
| 137 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 73             | 2,05x3,24       | 6,64           | Theo HD của quận | 664.000                 |         |
| 138 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 75             | 2,1x2,99        | 6,28           | Theo HD của quận | 628.000                 |         |
| 139 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 77             | 2,1x3,02        | 6,34           | Theo HD của quận | 634.000                 |         |
| 140 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 81             | 2,07x2,88       | 5,96           | Theo HD của quận | 596.000                 |         |
| 141 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 83             | 2,03x3,03       | 6,15           | Theo HD của quận | 615.000                 |         |
| 142 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 85-87          | 2,04x6,21       | 12,66          | Theo HD của quận | 1.266.000               |         |
| 143 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 91             | 2,18x3,13       | 6,82           | Theo HD của quận | 682.000                 |         |
| 144 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 97             | 2,08x3,27       | 6,80           | Theo HD của quận | 680.000                 |         |
| 145 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 101            | 2,2x3,12        | 6,86           | Theo HD của quận | 868.000                 |         |
| 146 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 103            | 2,33x3,27       | 7,62           | Theo HD của quận | 762.000                 |         |
| 147 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 107            | 2,3x3,03        | 7,24           | Theo HD của quận | 724.000                 |         |
| 148 |       | 13     | Trung tâm   | 100.000                 | 111            | 2,39x3,06       | 7,31           | Theo HD của quận | 731.000                 |         |

CHỈ MẠC

| Stt | Đường            | Phường         | Tuyến đường | Mức phí (đồng/m2/tháng) | Địa chỉ vị trí | Phạm vi sử dụng |                | Hình thức (*)    | Số phí nộp (đồng/tháng) | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------|-------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------|---------|
|     |                  |                |             |                         |                | Dài x Rộng (m)  | Diện tích (m2) |                  |                         |         |
| 149 |                  | 13             | Trung tâm   | 100.000                 | 115            | 2,55x2,96       | 7,55           | Theo HD của quận | 755.000                 |         |
| 150 |                  | 13             | Trung tâm   | 100.000                 | 117            | 2,8x3,18        | 8,90           | Theo HD của quận | 890.000                 |         |
| 151 |                  | 13             | Trung tâm   | 100.000                 | 123            | 2,19x2,98       | 6,52           | Theo HD của quận | 652.000                 |         |
| 152 |                  | 13             | Trung tâm   | 100.000                 | 127            | 1,79x3,09       | 5,53           | Theo HD của quận | 553.000                 |         |
| 153 |                  | 13             | Trung tâm   | 100.000                 | 129            | 1,77x3,14       | 5,55           | Theo HD của quận | 555.000                 |         |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>3 Tuyến</b> |             |                         |                |                 |                |                  | <b>232.228.700</b>      |         |

(\*) Hình thức Phương án kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Quận 4